

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
TỈNH PT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2021

*“V/v tranh chấp: Hôn nhân và gia
đình”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY, TỈNH PT**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lương Viết Tú**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đoàn Hồng Canh**

Ông **Nguyễn Thành Lâm**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Lê Anh Xuân Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh PT.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh PT: Bà **Hà Thị Phương Thảo** - Kiểm sát viên

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2021/TLST- HNGĐ ngày 05/4/2021 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2021. Giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1993. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 3, xã S, huyện TT, tỉnh PT.

***Bị đơn:** Anh **Dương Thanh T**, sinh năm 1986. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu 3, xã S, huyện TT, tỉnh PT

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 09/3/2021, được bổ sung bằng bản tự khai ngày 12/4/2021 nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Dương Thanh T kết hôn với nhau ngày 30/6/2011, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện TT, tỉnh PT. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng gia đình nhà chồng, tình cảm bước đầu hòa thuận hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn thời điểm mâu thuẫn trầm trọng từ tháng 11/2015. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra tranh cãi. Đến năm 2017 vợ chồng đã cắt đứt quan hệ và sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan T đến nhau.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có một con chung là cháu Dương Hoàng P, sinh ngày 30/4/2015, hiện cháu P đang ở với chị. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, về nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn là anh Dương Thanh T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị H năm 2011, được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện TT, tỉnh PT. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng nhau hòa thuận đến năm 2019 phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn về kinh tế và bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày. Nay chị H đề nghị ly hôn, anh nhất trí.

Về con chung: vợ chồng có một con chung là cháu Dương Hoàng P, sinh ngày 30/4/2015. Ly hôn, anh đề nghị trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tại phiên tòa:**

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị H: Xử cho chị H được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị H anh T có một con chung là cháu Dương Hoàng P, sinh ngày 30/4/2015, xử giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Về tài sản và công nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này sau ly hôn nếu có tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp và được thẩm tra công khai tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Tòa án thông báo cho các bên đến tham gia hòa giải tuy nhiên anh T vắng mặt, chị H có đơn từ chối hòa giải, vì vậy vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại Khoản 4, Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị H do điều kiện đang bị cách ly vì về từ vùng có dịch Covid 19 nên chị không đến tham gia phiên tòa được, chị có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn

cứ Khoản 1, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo thủ tục chung để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

2. Về nội dung:

[1] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị H kết hôn với anh T ngày 30/6/2011, việc kết hôn là tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã S, huyện TT, tỉnh PT, đây là một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị H và anh T đã xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, không cùng nhau đoàn kết xây dựng hạnh phúc gia đình, vợ chồng đã cắt đứt quan hệ tình cảm, không quan T đến nhau và đã sống ly thân. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn anh T, anh T đồng ý hôn với chị H.

Xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên không hợp tác hòa giải, không quan T đến hạnh phúc gia đình. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị H, xử cho chị được ly hôn anh T là phù hợp.

[2] Xét về con chung: Chị H anh T có một con chung là cháu Dương Hoàng P, sinh ngày 30/4/2015 hiện đang ở với chị H. Khi ly hôn, cả chị H và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu người kia cấp dưỡng nuôi con.

Xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị H và anh T, HĐXX thấy rằng đây là nguyện vọng chính đáng. Chị H đã cung cấp cho Tòa án bảng lương thu nhập của mình cũng như xác nhận chỗ ở ổn định. Mức thu nhập của chị H là 6.000.000đ/1 tháng, và được bố mẹ đẻ chị tạo điều kiện về chỗ ở ổn định. Anh T làm công việc tự do, không ổn định, thường xuyên sống xa nhà. Hiện nay cháu P đang ở với chị H, cháu còn nhỏ, cần sự chăm sóc, quan T, nuôi dưỡng của người mẹ. Vì vậy để đảm bảo sự phát triển bình thường của con trẻ, HĐXX thấy cần giao cháu P cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản và công nợ chung, công sức đóng góp: Chị H, anh T không yêu cầu giải quyết do vậy không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Tuy nhiên sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Quyền kháng cáo: Các bên được quyền kháng cáo Bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ Khoản 4, Điều 147; Khoản 1, Điều 228; Điều 238; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

*Áp dụng: Khoản 1, Điều 51; Khoản 1, Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

* Căn cứ Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Dương Thanh T.

2. Về con chung: Xử giao cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Dương Hoàng P, sinh ngày 30/4/2015 kể từ tháng 10/2021 cho đến khi cháu P thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Tuy nhiên sau khi ly hôn, nếu có Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2018/0000744 ngày 05/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh PT.

5. Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo Bản án; Nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án được quyền hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh PT xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã S (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lương Viết Tú